

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2026/HNGĐ - ST**

Ngày: 02/7/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp*

về nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trung Hải.
2. Bà Nguyễn Quỳnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án Khu vực 4 – Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2026/TLST - HNGĐ, ngày 01/4/2026 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị C, sinh năm 1983. Số định danh cá nhân: 015183003218.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. (Ngày 23/6/2026 có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Minh T, sinh năm 1982. Số định danh cá nhân: 015082010760.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Chị và anh Hà Minh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 9 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã C, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai). Vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, thường xuyên

đánh đập, xảy ra cãi nhau nhiều lần. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không giải quyết được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hà Minh T được ly hôn. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Hà Tùng D, sinh ngày 17/10/2006 và Hà Bình M, sinh ngày 14/12/2012, con chung Hà Tùng D đã trên 18 tuổi, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Bình M, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung chị C không yêu cầu giải quyết. Chị Trần Thị C có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải về việc ly hôn, nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hà Minh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy ngày 16/6/2026 đã phải ra Quyết định hoãn phiên toà lần 1.

Con chung Hà Bình M trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ Trần Thị C.

Tại biên bản xác minh trường thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai cho biết: Vợ chồng chị C, anh T có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn về chung sống tại thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống chị C và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể ông không nắm được, từ năm 2018 anh chị T, C đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Anh T1 đã từng nghiện ma túy phải đi cai nghiện bắt buộc. Hiện nay anh T1 vẫn sinh sống ở địa phương, đối với những văn bản Tòa án ông đã gửi cho anh T1. Anh T1, chị C có 02 con chung là Hà Tùng D và Hà Bình M, hiện nay con chung Hà Tùng D đã trên 18 tuổi khỏe mạnh.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị Cúc cung C1 cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 02 Bản sao trích lục kết hôn giữa chị C, anh T1; Bản sao chứng thực giấy khai sinh của con chung Hà Tùng D và Hà Bình M; Bản sao Căn cước công dân của Trần Thị C; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại; Bản phô tô đối chiếu thông tin cư trú; Xác nhận thông tin về cư trú đối với Hà Minh T, Trần Thị C; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của Trần Thị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Trần Thị C vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Minh T vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Trần Thị C

và anh Hà Minh T. Về luật nội dung căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị C: Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Hà Minh T. Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là Hà Tùng D, sinh ngày 17/10/2006 và Hà Bình M, sinh ngày 14/12/2012; con chung Hà Tùng D đã trên 18 tuổi khỏe mạnh, đề nghị giao con chung Hà Bình M cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị Trần Thị C phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hà Minh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Trần Thị C vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hà Minh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị C và anh Hà Minh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Hà Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký 27 tháng 9 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị C trình bày giữa hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hà Minh T được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đối với nguyên nhân mâu thuẫn chị C cho rằng anh T nghiện ma túy là phù hợp với việc anh T từng đi cai nghiện ma túy, ngoài ra từ năm 2018 đến nay chị C đã không còn chung sống cùng anh T, từ khi ly thân đến nay chị C và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa. Nghĩa vụ của vợ chồng là sống chung với nhau tuy nhiên chị C, anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau cho

thấy hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Hà Minh T có 02 con chung là Hà Tùng D, sinh ngày 17/10/2006 và Hà Bình M, sinh ngày 14/12/2012. Con chung Hà Tùng D đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Hà Bình M, chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung trên 7 tuổi là cháu Hà Bình M cũng có nguyện vọng ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao con chung Hà Bình M cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hà Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Hà Minh T.

2. Về con chung: Anh T1, chị C có 02 con chung là Hà Tùng D, sinh ngày 17/10/2006 và Hà Bình M, sinh ngày 14/12/2012. Con chung Hà Tùng D đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh. Giao con chung Hà Bình M cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hà Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (Cho đến khi con chung Hà Bình M đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0001139 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị C, anh Hà Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lào Cai; **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Khu vực 4 – Lào Cai;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
- UBND xã Chấn Thịnh, tỉnh Lào Cai;
- Lưu HS.

Hoàng Ngọc Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

